

Bản án số: 20/2019/HNGĐ - ST

Ngày 18 tháng 10 năm 2019

V/v: *Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình,  
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà: Bùi Thị Ngọc và bà: Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2019/TLST- HNGĐ ngày 30/8/2019 về: *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST - HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

+*Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn TC, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh hóa. *(có mặt)*.

+*Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1971

Trú tại: Thôn TC, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa *(có mặt)*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16 tháng 8 năm 1997, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2003 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nên trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 11/2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan

hệ giữa chị và anh Hùng là vợ chồng.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 06/11/1998 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 15/6/2003. Tại Biên bản hòa giải ngày 23/9/2019 chị T và anh H tự nguyện thỏa thuận cháu H đã trưởng thành, học tập và lao động bình thường nên cháu ở với ai là tùy cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H, tôn trọng ý kiến của cháu nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Tại các bản tự khai; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Duy H đồng ý với phần trình bày về kết hôn của chị Vũ Thị T. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài khoảng 7 năm, đến năm 2003 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng anh H đồng ý.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 06/11/1998 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 15/6/2003. Anh Nguyễn Duy H đồng ý với Biên bản hòa giải ngày 23/9/2019. Hai bên tự nguyện thỏa thuận, cháu Nguyễn Duy H đã trưởng thành lao động bình thường nên cháu ở với ai là tùy cháu, chị T giao cháu Nguyễn Duy H cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản; công nợ:* Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành pháp luật.

[2]*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày: 06/11/1998 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 15/6/2003, tại Biên bản hòa giải ngày 23/9/2019. Hai bên tự nguyện thỏa thuận cháu H đã trưởng thành, học tập và lao động bình thường nên cháu ở với ai là tùy cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Duy H, tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của cháu được ở với bố nên giao cháu H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận về con chung của chị T và anh H là phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Căn cứ vào Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Duy H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản; công nợ*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và khoản 2 Điều 53; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5; Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

*Tuyên xử:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H

*Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của chị T và anh H. Giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày: 15/6/2003 cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

*Về tài sản; công nợ*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí*: Buộc chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0004958 ngày 30/8/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị Tám phải nộp.

*Quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Duy H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/10/2019).

**Nơi nhận:**  
- VKSND huyện Thường Xuân;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân; ( đã ký)
- Dương sự;
- UBND xã Xuân Cẩm;
- Lưu HSVA.

**Lê Thị Tâm**

